TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/ HNGĐ - ST
Ngày: 29 – 10 – 2019
V/v: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản và nghĩa vụ tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Huệ.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản và nghĩa vụ tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn (trở thành bị đơn): Chị Đinh Thị Ng, năm sinh 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm Th, tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q.

Chỗ ở hiện nay: Xóm L, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trương Quang T – Luật sư, Trưởng Văn phòng Luật sư Quang T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

2. Bị đơn (trở thành nguyên đơn): Anh Đinh Cao Th, sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm Th, tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Văn Kh, sinh năm 1972 và bà Đinh Thị Thanh Q, sinh năm 1976. (Ông Đinh Văn Kh đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Đinh Thị Thanh Q tại văn bản ủy quyền ngày 05/8/2019).

Đều có hộ khẩu thường trú: Xóm L, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện S, Q. Bà Q có mặt.

- Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Xóm Th, tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q. Có mặt.

4. Người phiên dịch: Chị Đinh Thị Mỹ H – Cán bộ Dịch vụ và Thương mại thị trấn D, huyện S. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Đinh Thị Ng trình bày:

Chị và anh Đinh Cao Th kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện S, tỉnh Q. Quá trình chung sống, thời gian đầu kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do mâu thuẫn với gia đình chồng, vợ chồng không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm, ghen tuông vô cớ, mỗi khi anh Th đi làm về tính tình luôn cáu ghét với chị rồi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không những anh Th đuổi chị ra khỏi nhà mà còn có những lời lẽ đe dọa chị, lo sợ nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại Tổ dân phố L, thị trấn D để sống từ ngày 07/02/2018 cho đến nay và cũng từ đó vợ chồng chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Do đó, chị nhận thấy vợ chồng sống không hạnh phúc, anh Th không còn yêu thương chị nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con tên Đinh Văn H, sinh ngày 08/7/1999 hiện cháu đã trên 18 tuổi, có sức khỏe tốt và đã tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu Đinh Văn Th, sinh ngày 02/8/2004, chị giao anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh Th tạo lập được khối tài sản chung sau:

- 01 thửa đất số 188, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.952 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại Nước T, thị trấn D, huyện S được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HO1451 ngày 23/12/2008 giá trị đất 40.000.000 đồng, trên đất có trồng 4.000 cây keo 02 năm tuổi trị giá keo 20.000.000 đồng.

- 01 thửa đất số 391, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.402 m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Măng Đ, thị trấn D, huyện S được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số HO1452 ngày 23/12/2008, giá trị đất 40.000.000 đồng, trên đất có trồng 5.000 cây keo 02 năm tuổi giá trị keo 30.000.000 đồng.

- 01 thửa đất số 224, tờ bản đồ số 04, diện tích 7.051 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại Nước R, thị trấn D, huyện S được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HO1332 ngày 23/12/2008, giá trị đất 30.000.000 đồng, trên đất có trồng 4.000 cây keo 02 năm tuổi giá trị keo 20.000.000 đồng.

- 01 thửa đất số 00, tờ bản đồ số: Trích đo địa chính, diện tích 1.176 m^2, mục đích sử dụng đất: đất ở tại đô thị 300m^2, đất trồng cây hàng năm khác 876m^2, tọa lạc tại Tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00289 ngày 21/5/2012, giá trị đất 200.000.000 đồng, trên đất có một ngôi nhà xây cấp IV, diện tích 140 m^2 do vợ chồng chị xây dựng vào năm 2004 giá trị nhà 300.000.000 đồng.

- 01 thửa đất diện tích khoản 3.000 m^2, tọa lạc tại Nước R, thị trấn D, huyện S chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị đất 20.000.000 đồng, trên đất có trồng 3.000 cây keo 05 năm tuổi trị giá khoảng 15.000.000 đồng, anh Th đã khai thác.

- 4.000 cây keo được 05 năm tuổi trị giá 20.000.000 đồng, được trồng trên diện tích đất của cha mẹ đẻ chị là ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L, diện tích đất khoản 3.000m^2, tọa lạc tại Nước T, thị trấn D, huyện S, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, ông T bà L cho vợ chồng chị mượn canh tác trồng keo.

- 04 thửa đất ruộng, trong đó một thửa diện tích 400m^2 trị giá 10.000.000đồng, thửa 350m^2 trị giá 7.000.000 đồng, thửa 300m2 trị giá 6.000.000 đồng và thửa 250m^2 trị giá 6.000.000 đồng, đều tọa lạc tại Xóm th, tổ dân phố C, thị trấn D, huyện Sơn Hà chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 Ti vi hiệu Sam Sung 40in trị giá 7.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salong gỗ Lim trị giá 25.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba dung tích 150 lít trị giá 4.000.000 đồng; 01 giường gỗ Gõ kích thước 2m x 1,6m trị giá 4.000.000 đồng; 01 tủ buyphe gỗ Lim trị giá 7.000.000 đồng; 01 máy xay lúa gồm 03 mô tơ, 03 cối trị giá 20.000.000 đồng; 01 dàn karaoke hiệu Sony trị giá 4.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy hiệu Honda – Dream, biển kiểm soát 76 F1 08.706 trị giá 21.000.000 đồng; 01 xe máy hiệu Honda – Shmode, biển kiểm soát 76M1 6732 trị giá 40.000.000 đồng; 60 cây cau trồng được 18 năm trị giá 9.000.000 đồng; số tiền mặt 22.000.000 đồng anh Th bán 02 con bò; tiền mặt 5.500.000 đồng anh Th bán 02 con heo; 14.000.000 đồng tiền thưởng do nhà máy mì thưởng cuối năm 2018 cho anh Th; tiền công anh Th thu nhập được từ việc xay sát máy gạo khi chị không ở nhà mỗi ngày khoản 150.000 đồng x 5 tháng là 22.500.000 đồng; một số vàng, nữ trang gồm: 03 chỉ vàng 9999 trong đó chị giữ 02 chỉ còn anh Th giữ 01 chỉ, trị giá mỗi chỉ là 3.682.000 x 03 chỉ = 11.046.000 đồng; 01 bộ xi mên nữ trang loại vàng Tây chị giữ

và đã bán được số tiền 4.000.000 đồng; 01 sợ giây chuyền vàng Tây anh Th giữ, mua 7.000.000 đồng nay còn 3.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng Tây anh Th giữ, lúc mua 2.500.000 đồng nay còn 1.500.000 đồng; 01 dây xích vàng Tây anh Th giữ, lúc mua 6.000.000 đồng nay còn 3.000.000 đồng; tiền mặt 3.000.000 đồng trước khi đi chị để lại ở nhà cho anh Th giữ; tiền anh Th tự ý bán keo tại thửa đất thuộc Nước R được trồng trên đất của cha mẹ chị là bà Đinh Thị L và ông Đinh T 15.000.000 đồng. Ngoài các tài sản trên chị và anh Th còn có số tiền mặt 100.000.000 đồng hiện đang cho vợ chồng anh Đinh Văn Kh và chị Đinh Thị Thanh Q vay.

Khi ly hôn, chị xin nhận ½ giá trị tài sản chung vợ chồng.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng chị không nợ ai, chị không đồng ý việc anh Th khai vợ chồng chị có nợ bà Đinh Thị Đ 50.000.000 đồng và ông Đinh Văn Kh 5.500.000 đồng nên chị không chấp nhận trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/6/2019, ngày 15/7/2019 và bản tự khai ngày 04/9/2019, chị đã rút một phần yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản (đã qua xem xem xét thẩm định và định giá) cụ thể như sau:

- Một ngôi nhà xây cấp IV và các công trình phụ, tổng diện tích xây dựng là 217,885m^2, nằm trên diện tích đất 361m^2 (là một phần trong tổng diện tích đất 1.397m^2), nhà và đất đều tọa lạc tại Xóm Th, TDP C, Thị trấn D, huyện S trị giá nhà 434.796.415 đồng, trị giá đất 12.351.000 đồng.

- Một ti vi hiệu LG, 43in, trị giá 4.000.000 đồng; Một bộ bàn ghế salong gỗ Lim, trị giá 25.000.000 đồng; Một tủ lạnh hiệu Tosiba, dung tích 160 lít, trị giá 3.000.000 đồng; Một chiếc giường gỗ Gõ, kích thước 2mx 1.4m, trị giá 3.000.000 đồng; Một tủ buyphe gỗ Lim, dài 2,2m, cao 1m, rộng 0,45m, trị giá 5.000.000 đồng; Một dàn máy xay lúa gồm 3 mô tơ, 3 cối, trị giá 9.000.000 đồng; Một dàn Karaoke gồm 01 đầu đĩa hiệu Ariang, 01 tăng âm hiệu California Pro-468B và 01 cặp loa thùng hiệu Đa Max cao 1,2m, trị giá 1.000.000 đồng; Một xe mô tô của hãng Honda, nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 76-F1 08.706, trị giá 10.000.000 đồng; Một xe mô tô của hãng Honda, nhãn hiệu SHmode, biển kiểm soát 76-M1 067.32, trị giá 31.000.000 đồng; 45 cây cau đã cho quả có giá 11.250.000 đồng và 05 cây cau chưa cho quả có giá 600.000 đồng; Số tiền mặt 100.000.000 đồng hiện anh Đinh Văn Kh và chị Đinh Thị Thanh Q đang vay; Số tiền anh Th bán keo trên đất của bà Đinh Thị L 7.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 656.997.415 đồng, chị giao toàn bộ tài sản chung cho anh Th quản lý sử dụng và định đoạt, chị xin nhận 100.000.000 đồng từ anh Kh, chị Q và yêu cầu anh Th thối trả lại phần giá trị chênh lệch về tài sản mà anh Th được nhận là 228.498.707 đồng.

Tại phiên tòa chị Đinh Thị Ng rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hôn nhân, về con chung và chia tài sản chung.

Tại các bản tự khai ngày 14/5/2018, ngày 12/6/2019, ngày 15/7/2019, ngày 12/9/2019 và các biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2018, ngày 31/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Đinh Cao Th trình bày như sau:

Về thời điểm kết hôn, chung sống và con chung anh thống nhất như lời trình bày của chị Ng, tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh không thống nhất vì anh không biết nguyên nhân gì chị Ng bỏ nhà đi, khi xảy ra mâu thuẫn, anh là công nhân đang làm tại nhà máy mì Sơn H - huyện S, công việc của anh thường xuyên tăng ca nên thời gian anh dành cho vợ con không nhiều, khi về nhà chị Ng hay càm ràm nên vợ chồng cũng hay cãi vã, xúc phạm nhau. Đến ngày 28/01/2018 chị Ng tự ý bỏ nhà đi về nhà cha mẹ đẻ ở tại tổ dân phố L để sống, anh và hai con đã khuyên chị Ng về nhiều lần nhưng chị Ng không về mà còn có những lời lẽ xúc phạm đến gia đình và anh chị của anh. Từ đó, anh và chị Ng sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh đã trở nên trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn lại được, nay chị Ng yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn. Khi ly hôn:

Về con chung: Anh đồng ý yêu cầu của chị Ng về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với con chung Đinh Văn H, sinh ngày 08/7/1999 vì cháu đã trên 18 tuổi, có sức khỏe tốt và tự lập. Còn con Đinh Văn Th, sinh ngày 02/8/2004, anh nhận trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về phần tài sản chung, anh không thống nhất tài sản chung như chị Ng đã trình bày, cụ thể:

- 01 ngôi nhà xây cấp IV, diện tích khoảng 130m^2 (chị Nga khai 140m^2) là tài sản chung của vợ chồng anh được xây dựng vào năm 2004, trị giá nhà khoảng 200.000.000đồng, nhà được xây dựng trên diện tích đất 1.176m^2, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha mẹ anh là ông Đinh Văn R (đã chết) và bà Đinh Thị Đ đứng tên, ông R, bà Đ đã lập Di chúc tặng riêng cho anh nhưng chưa có hiệu lực vì hiện nay mẹ anh vẫn đang còn sống. Nhà và đất toạ lạc tại Xóm Th, tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S.

- Đối với 04 diện tích đất trồng lúa (đất ruộng) đều toạ lạc tại xóm Th, tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá đất khoảng 20.000.000đồng. Nguồn gốc diện tích đất là do cha mẹ anh khai hoang từ năm 1985 chứ không phải như chị Ng khai là nhà nước cấp theo Nghị định 64 cho vợ chồng anh, khi vợ chồng anh ra ở riêng vào khoảng năm 2004 thì cha mẹ anh tạo điều kiện để vợ chồng anh canh tác lấy lúa ăn từ đó đến nay. Nếu ly hôn, anh yêu cầu hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất ruộng nêu trên cho bà Đinh Thị Đ.

- Diện tích 7.051 m^2 đất trồng cây hàng năm khác toạ lạc tại Nước R, thị trấn D, huyện S, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số H01332, do UBND

huyện S cấp ngày 23/12/2008, trên đất trồng khoảng 2.000 cây keo 02 năm tuổi, giá khoảng 10.000.000đồng, giá đất khoảng 15.000.000đồng.

- Diện tích 3.000 m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại toạ lạc tại Nước R, thị trấn D, huyện S, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, trên đất trồng khoảng 1.200 cây keo 02 năm tuổi, giá cây keo khoảng 6.000.000đồng, giá đất khoảng 10.000.000đồng.

- Diện tích 2.952 m^2 đất trồng cây hàng năm khác toạ lạc tại Nước T, thị trấn D, huyện S, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số H01451, do UBND huyện S cấp ngày 23/12/2008, trên đất trồng khoảng 2.500 cây keo 02 năm tuổi, trị giá cây keo khoảng 10.000.000 đồng, trị giá đất khoảng 15.000.000 đồng.

- Diện tích 1.402 m^2 đất trồng cây lâu năm toạ lạc tại Măng Đ, thị trấn D, huyện S, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số H01452, do UBND huyện S cấp ngày 23/12/2008, trên đất trồng khoảng 6.000 cây keo 02 năm tuổi, trị giá cây keo khoảng 15.000.000 đồng, trị giá đất khoảng 25.000.000 đồng.

- 01 bộ bàn ghế salong gỗ Lim, là tài sản riêng của anh tự làm, trị giá 15.000.000 đồng; 01 ti vi hiệu TCL chứ không phải hiệu SAMSUNG như chị Ng khai, 43 in, mua năm 2017, trị giá hiện tại còn khoảng 3.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Tosiba, dung tích 180 lít, mua 5.800.000 đồng, trị giá hiện tại 2.000.000đồng; 01 chiếc giường gỗ Gõ, kích thước 2mx 1,6m, trị giá 2.000.000 đồng, 01 tủ buyphe gỗ Lim, trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy xay lúa 3 mô tơ, 3 cối, trị giá 5.000.000 đồng; 01 dàn Karaoke hiệu Sony, trị giá 2.000.000 đồng; 01 xe mô tô của hãng Honda, nhãn hiệu Dream, biển số 76F1 08.706, trị giá 10.000.000 đồng; 01 xe mô tô của hãng Honda, nhãn hiệu SHmode, biển số 76M1 6732, trị giá 30.000.000 đồng; 20 cây cau trồng xung quanh nhà tại xóm Th, cau nhiều cỡ tuổi, (từ 5 năm tuổi đến 10 năm tuổi) trị giá 2.000.000 đồng; số tiền mặt 22.000.000 đồng chị Ng khai anh đã bán hai con bò anh đã dùng số tiền trên trả nợ cho Ngân hàng, số tiền mặt 5.500.000đồng anh bán hai con heo đã chi tiêu, sinh hoạt cùng với con trong thời gian chị Ng bỏ nhà đi; số tiền mặt là 100.000.000đồng hiện đang cho ông Đinh Văn Kh và bà Đinh Thị Thanh Q vay là đúng; 14.000.000 đồng tiền thưởng do nhà máy mì thưởng cuối năm 2018 anh đã góp thêm tiền mua xe cho con Đinh Văn H; còn 22.500.000 đồng chị Ng cho rằng anh thu nhập từ việc xay sát gạo để lấy tiền công là không có vì chị Ng bỏ nhà đi, anh thì đi làm nên không xay gạo thường xuyên, mỗi khi anh ở nhà thì xay chỉ để lấy gạo ăn qua ngày nên không có thu nhập; riêng một số vòng, vàng, nữ trang và tiền mặt 3.000.000 đồng mà chị Ng đã khai hiện chị Ng đang giữ chứ anh không giữ.

Đối với tài sản chung của vợ chồng anh Th có nguyện vọng để lại toàn bộ cho hai con là Đinh Văn H và Đinh Văn Th, riêng số tiền mặt 100.000.000 đồng đang cho anh Kh, chị Q vay thì anh yêu cầu được nhận 50.000.000đồng và giao chị Ng nhận 50.000.000đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ: Anh thừa nhận vợ chồng anh có mượn của bà Đinh Thị Đ (mẹ đẻ của anh) số tiền 50.000.000đồng để mua xe và khi chị Ng bỏ nhà đi, anh có mượn của ông Đinh Văn Kh hai lần với số tiền 5.500.000 đồng để góp mua xe và làm thủ tục giấy tờ xe cho cháu H. Khi ly hôn, anh yêu cầu chị Ng và anh có trách nhiệm cùng trả lại số tiền trên cho bà Đ và ông Kh.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh thống nhất về việc chị Ng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung và anh cũng đã rút yêu cầu về nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của ông Đinh Văn Kh. Đối với các tài sản còn lại mà chị Ng yêu cầu, anh yêu cầu để lại toàn bộ cho hai con chung là cháu Đinh Văn H và Đinh Văn Th, anh chỉ yêu cầu được nhận 50.000.000 đồng và giao chị Ng 50.000.000 đồng từ số tiền mặt 100.000.000 đồng mà anh Kh, chị Q đang vay. Còn về khoản nợ 50.000.000 đồng của bà Đ, anh đồng ý cùng chị Ng có nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa anh Th không đồng ý việc chị Ng rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, anh Th yêu cầu Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết cho anh được ly hôn chị Ng, về con chung và một phần tài sản chung.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2018, các biên bản lấy lời khai và các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Đinh Thị Đ trình bày:

Vào năm 2004 bà không nhớ rõ ngày tháng, bà và chồng là ông Đinh Văn R (chết năm 2018) có cho vợ chồng anh Đinh Cao Th và chị Đinh Thị Ng mượn số tiền 50.000.000 đồng để mua xe và có cam kết là phải chăm sóc vợ chồng ông bà khi già yếu, nếu ông bà chết thì phải có trách nhiệm xây dựng mồ mã.

Đối với 04 thửa đất ruộng tọa lạc tại: Xóm Th, tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị Đinh Thị Ng khai là tài sản chung của vợ chồng chị, bà không đồng ý vì toàn bộ diện tích đất ruộng kể trên là đất do bà và ông Đinh Văn R (chồng bà) đã khai hoang vỡ hóa từ sau giải phóng, khi anh Th chị Ng ra ở riêng nên ông bà giao cho canh tác để trồng lúa ăn chung chứ không cho luôn anh Th, chị Ng.

Riêng diện tích đất 1.176m^2 (qua đo đạc thực tế là 1.397m^2), tọa lạc tại Tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH00289 ngày 21/5/2012 mà chị Ng khai là tài sản chung do ông R và bà đã tặng cho anh Th và chị Ng là không đúng, bởi bà và ông R có lập di chúc tặng riêng cho anh Th nhưng ông R chồng bà đã chết còn bà vẫn còn sống, mặc khác anh Th có tự lập hồ sơ giấy tặng cho để làm thủ tục chỉnh lý trong giấy chứng nhận nhưng bà không trực tiếp lăn tay, điểm chỉ (vì không biết chữ) vào hồ sơ mà do một mình anh Th tự viết tên bà rồi đi làm thủ tục chỉnh lý với nội dung tặng cho vợ chồng anh Th, chị Ng nên nay bà không công nhận thủ tục tặng cho trên là phù hợp pháp luật.

Nay, anh Th, chị Ng ly hôn bà không can thiệp, tuy nhiên bà yêu cầu anh Th, chị Ng hoàn trả lại cho bà số tiền 50.000.000 đồng bà đã cho mượn, bà không yêu cầu trả lãi. Buộc anh Th, chị Ng trả lại cho bà 04 thửa đất ruộng và toàn bộ diện tích đất 1.176m^2 qua đo đạc 1.397m^2 đều tọa lạc tại xóm Th, tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ng đã rút một phần yêu cầu về tài sản trong đó có 04 thửa đất ruộng và diện tích đất 1.176m^2 qua đo đạc 1.397m^2 nên bà đồng ý và không yêu cầu gì.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/8/2019 bà đồng ý cho anh Th, chị Ng phần diện tích đã xây dựng nhà và công trình phụ, qua đo đạt được 361m^2, trong đó 100m^2 đất ở và 261m^2 đất vườn trong tổng diện tích 1.397m^2, bà chỉ yêu cầu anh Th, chị Ng hoàn trả lại cho bà phần diện tích còn lại là 1.081m^2 (1.397m^2 – 361m^2), anh Th, chị Ng đồng ý.

Tại phiên tòa, bà Đ rút yêu cầu trả nợ đối với anh Th, chị Ng về việc buộc trả số tiền 50.000.000 đồng, 04 thửa đất ruộng và diện tích đất 1.176m^2 qua đo đạc 1.397m^2, anh Th, chị Ng đồng ý không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thanh Q và ông Đinh Văn Kh trình bày:

Vì cần vốn làm ăn nên vào năm 2017, vợ chồng ông bà có viết giấy vay của vợ chồng chị Ng anh Th tổng cộng hai lần với số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi bằng lời nói, từ đó ông bà trả lãi hàng tháng cho anh Th chị Ng. Nay chị Ng, anh Th ly hôn vợ chồng ông bà chấp nhận có nợ và đồng ý trả nợ số tiền vốn gốc đã vay là 100.000.000 đồng.

Ý kiến của Luật sư Trương Quang T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Đinh Thị Ng trình bày như sau:

Tại phiên tòa chị Ng có nguyện vọng về chung sống với anh Th để chăm sóc con cái nên xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật tại các Điều 71 và Điều 72, Điều 73, Điều 75 và Điều 82 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, chị Đinh Thị Ng xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về phần ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Anh Đinh Cao Th không đồng ý và yêu cầu được ly hôn chị Ng, giải quyết về con chung và chia tài sản chung.

Tuy nhiên, xét mâu thuẫn của vợ chồng chị Ng anh Th chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, mặt khác nguyện vọng xin rút đơn để về chung sống và chăm lo cho các con là hoàn toàn chính đáng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, các Điều 29; 35, 39; 217 và Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác yêu cầu của anh Đinh Cao Th xin được ly hôn chị Đinh Thị Ng. Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị Ng, đình chỉ giải quyết về hôn nhân, con chung và một phần yêu cầu chia tài sản chung.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà ông Đinh Văn Kh và bà Đinh Thị Thanh Q vay của vợ chồng anh Th chị Ng, tuy chị Ng rút yêu cầu nhưng tại phiên tòa anh Th vẫn yêu cầu vợ chồng ông Kh bà Q trả nợ. Do đó, cần phải buộc vợ chồng ông Kh bà Q trả số tiền trên cho vợ chồng anh Th chị Ng là phù hợp.

Đối với phần nghĩa vụ tài sản: Tại phiên tòa bà Đinh Thị Đ rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Th chị Ng trả số tiền 50.000.000 đồng, 04 thửa đất ruộng tọa lạc tại: Xóm Th, tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất 1.176m^2 qua đo đạc 1.397m^2, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Đ.

Về án phí:

Án phí ly hôn: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Buộc vợ chồng Đinh Văn Kh và Đinh Thị Thanh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đinh Thị Ng đã nộp.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đinh Thị Đ.

+ Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị Đinh Thị Ng phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, bị đơn có nơi cư trú và tài sản đang tranh chấp đều tại địa bàn huyện S, tỉnh Q. Do đó, Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xác định tư cách tham gia tố tụng**:*** Theo đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện S thụ lý và xác định các yêu cầu của nguyên đơn chị Đinh Thị Ng đối với bị đơn anh Đinh Cao Th gồm về hôn nhân, con chung và chia tài sản khi ly hôn. Xét yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Ng có nguyện vọng về chung sống và chăm sóc các con cùng anh Th nên chị Ng xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh Th nhưng anh Th không đồng ý mà vẫn yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án cho anh được ly hôn chị Ng, về con chung và về tài sản chung. Do đó, căn cứ vào Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự thay đổi tư cách tham gia tố tụng, anh Đinh Cao Th trở thành nguyên đơn và chị Đinh Thị Ng là bị đơn trong vụ án.

[3] Đối với ông Đinh Văn Kh là người anh Th khai vợ chồng anh có nợ số tiền 5.500.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Th và ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đưa ông Đinh Văn Kh vào với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (BL 63, 72) nên không xem xét.

[4] Đối với ông Đinh T và bà Đinh Thị L là cha và mẹ chị Ng liên quan trong trong vụ án về việc có một thửa đất rẫy chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất tọa lạc tại Tổ dân phố Nước R, thị trấn D hiện đang cho anh Th chị Ng mượn canh tác trồng keo, qua xem xét thẩm định với diện tích 7.693m^2, tại bản tự khai ngày 14/6/2019 (BL 74) ông T bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với thửa đất trên, anh Th chị Ng không tranh chấp nên không đưa ông Đinh T và bà Đinh Thị L vào với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Đ, trong quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án về việc vào đầu năm 2018 bà Đ đã tự ý cho anh Tr chị Đ một phần diện tích đất qua đo đạc thực tế 251m^2 là phần đất nằm trong tổng diện tích 1.176 m^2 (thực tế đo đạc 1.397m^2), tọa lạc tại Tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00289 ngày 21/5/2012 mà trước đây chị Ng cho rằng là tài sản chung của chị và anh Th nên chị Ng yêu cầu anh Tr, chị Đ thối trả lại giá trị bằng tiền được tính theo giá đất tại thời điểm định giá tương ứng với diện tích đất đang sử dụng. Tuy nhiên, tại bản tự khai (BL 54) chị Ng rút yêu cầu và đồng ý giao lại diện tích đất trên cho bà Đ toàn quyền quyết định và bà Đ không ý kiến gì nên không còn liên quan gì đến anh Tr, chị Đ. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa vào với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên không xem xét.

[6] *Xét yêu cầu của các đương sự**:***

- Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Ng và anh Đinh Cao Th kết hôn vào ngày 14/8/1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện S, hôn nhân trên cở sở tự nguyện. Ngày 05/4/2018 chị Ng có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Th, nên Toà án nhân dân huyện S đã thụ lý vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của chị Đinh Thị Ng và anh Đinh Cao Th tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ việc chị nghi ngờ anh Th ngoại tình nên ghen tuông vô cớ và mâu thuẫn với gia đình chồng nhưng khi chị Ng chia sẻ thì không được anh Th ủng hộ nên chị bức xúc và bỏ nhà ra đi về nhà cha mẹ đẻ từ đầu năm 2018 đến nay. Nguyện vọng của chị Ng rút yêu cầu khởi kiện ly hôn anh Th vì chị còn thương anh Th, chị rút yêu cầu khởi kiện để về chăm sóc chồng và con, ngược lại anh Th không đồng ý việc chị Ng rút yêu cầu khởi kiện và cương quyết ly hôn chị Ng. Mặc khác, tại phiên tòa anh Th khai anh không có mâu thuẫn gì với chị Ng, anh cũng thừa nhận có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác bên ngoài, anh vẫn còn thương vợ con nhưng vì chị Ng bỏ nhà ra đi, xúc phạm đến cha mẹ anh em nên anh không tha thứ, không chấp nhận về sống chung với chị Ng. Hội đồng xét xử nhận thấy qua lời trình bày của chị Ng anh Th về tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nguyên nhân chính dẫn đến việc chị Ng bỏ nhà ra đi là vì anh Th có quan hệ với người phụ nữ khác, là do lỗi của anh Th. Do đó yêu cầu ly hôn chị Ng của anh Th không được chấp nhận.

- Về con chung: Chị Ng rút yêu cầu, anh Th không có ý kiến gì, do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

- Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị Ng rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, anh Th đồng ý và không có ý kiến gì, riêng số tiền mặt 100.000.000 đồng hiện ông Đinh Văn Kh bà Đinh Thị Thanh Q đang vay, anh Th vẫn yêu cầu ông Kh bà Q trả số tiền gốc vay và không yêu cầu tính lãi, do đó, cần phải buộc vợ chồng ông Kh bà Q trả số tiền trên cho vợ chồng anh Th chị Ng là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

- Về nghĩa vụ tài sản: Chị Ng không thừa nhận có nợ của bà Đinh Thị Đ số tiền 50.000.000 đồng, anh Th thừa nhận có nợ, tuy nhiên tại phiên tòa bà Đinh Thị Đ rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu anh Th chị Ng trả 50.000.000 đồng, 04 thửa đất ruộng tọa lạc tại: Xóm Th, tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất 1.176m^2 qua đo đạc 1.397m^2, anh Th chị Ng đồng ý không có ý kiến gì. Xét việc rút yêu cầu của bà Đinh Thị Đ là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Đ, nếu phát sinh tranh chấp, bà Đ có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[7] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị Đinh Thị Ng phải chịu theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] *Về án phí:*

Án phí ly hôn: Anh Đinh Cao Th phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng ông Đinh Văn Kh và bà Đinh Thị Thanh Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Đinh Cao Th và chị Đinh Thị Ng không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đinh Thị Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia tại phiên tòa.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; 29; 35; 39; 217; 218; 147; 157; 165; Khoản 1 Điều 245, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Đinh Cao Th về việc yêu cầu ly hôn chị Đinh Thị Ng.

2. Về con chung: Đình chỉ giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Đinh Thị Ng và anh Đinh Cao Th.

Buộc vợ chồng ông Đinh Văn Kh và bà Đinh Thị Thanh Q có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh Đinh Cao Th và chị Đinh Thị Ng số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc đã vay.

4. Về nghĩa vụ tài sản: Đình chỉ giải quyết về phần yêu cầu nghĩa vụ trả nợ, đòi lại tài sản (đất) của bà Đinh Thị Đ.

Hậu quả của việc đình chỉ: Các đương sự có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án dân sự khác.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 5.400.000 đồng, buộc chị Đinh Thị Ng phải nộp nhưng được khấu trừ xong tại biên bản giao nhận tiền 12/7/2018 giữa chị Ng và Tòa án nhân dân huyện S.

6. Về án phí:

Án phí ly hôn: Anh Đinh Cao Th phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn).

Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Đinh Văn Kh và bà Đinh Thị Thanh Q phải nộp số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* (100.000.000 đồng x 5%), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Đinh Thị Ng số tiền tiền tạm ứng án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm là 10.950.000 đồng do chị Ng nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0000047 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

Hoàn trả cho bà Đinh Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng do bà Đinh Thị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0000082 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:
- VKSND h.Sơn Hà;
- Đương sự;
- Chi Cục THADS h. Sơn Hà;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:
- VKSND h.Sơn Hà;
- Đương sự;
- Chi Cục THADS h. Sơn Hà;
- Phòng GĐKT - Toà án tỉnh Quảng Ngãi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- UBND xã Sơn Trung
- Lưu hồ sơ vụ án;

Võ Ngọc Thông